

Đương Sô: Xemtuong - Âm Nam

Cung mệnh: Canh Ngọ - Thai Nguyên: Tân Dậu

Thân Vượng: Thủy 29/50

Dụng Thần: Kim Thủy

XemTuong.net  
lá số tử trù và bình giải

Trụ Năm 1979			Trụ Tháng 07			Trụ Ngày 05			Trụ Giờ 10:01		
Sát KỶ	MÙI	L.Quan	Án CANH	NGỌ	M.Dục	Thân QUÝ	Kiêu DẬU	Tuyệt Bệnh	T.Tài ĐỊNH	TỴ	L.Quan
Kỳ	Ất	Đinh	Đinh	Kỷ	M.Dục	Đậu	Tân	Bệnh	Đ.Vượng	Đ.Vượng	Đ.Vượng
Sát	Thực	T.Tài	T.Tài	Sát		Tân	Kiêu		Bính	Mậu	Canh
L.Quan	T.Sinh	L.Quan	L.Quan	L.Quan		Kiêu	Bệnh		Tài	Quan	Án
Mộ			Tuyệt			Bệnh			Đ.Vượng		
Hoa Cái	Phi Nhận		Đào Hoa			Văn Xương			Thái		
Thái Cực						Tướng Tình			Thiên Át QN		
Thái Dương						Kim Thần			Dịch Mã		
Phúc Tinh									Thiên Y		
Đại Vận 0 (0 - 9 tuổi)			Đại Vận 1 (10 - 19 tuổi)			Đại Vận 2 (20 - 29 tuổi)			Đại Vận 3 (30 - 39 tuổi)		
Án CANH	NGỌ	M.Dục	Sát KỶ	TỴ	Đ.Vượng	Quan MẬU	THÌN	Q.Đới	T.Tài ĐỊNH	MÃO	Bệnh
Đinh	Kỳ		Bính	Mậu	Canh	Mậu	Ất	Quý	Đinh	Ất	
T.Tài	Sát		Tài	Quan	Án	Quan	Thực	Tỷ	Thực	Thực	
L.Quan	L.Quan		L.Quan	L.Quan	T.Sinh	Đới	Đới	Dưỡng	L.Quan	L.Quan	
Đại Vận 4 (40 - 49 tuổi)			Đại Vận 5 (50 - 59 tuổi)			Đại Vận 6 (60 - 69 tuổi)			Đại Vận 7 (70 - 79 tuổi)		
Tài BÍNH	DÂN	T.Sinh	Thực ÁT	SỬU	Suy	Thương GIÁP	TỴ	M.Dục	Tỷ QUÝ	HỢI	Đ.Vượng
Giáp	Bính	Mậu	Thực	Tân	Quý	Giáp	Quý		Giáp	Nhâm	
Thương	Tài	Quan	Át	Kiêu	Tỷ	Thương	Tỷ	L.Quan	Thương	Kiếp	
L.Quan	T.Sinh	T.Sinh	Ký	Tỷ	Đới	L.Quan	L.Quan		T.Sinh	L.Quan	
Đại Vận 8 (80 - 89 tuổi)			Đại Vận 9 (90 - 99 tuổi)			Đại Vận 10 (100 - 109 tuổi)			Đại Vận 11 (110 - 119 tuổi)		
Kiếp NHÂM	TUẤT	Q.Đới	Kiêu TÂN	DẬU	L.Quan	Án CANH	THÂN	L.Quan	Sát KỶ	MÙI	Q.Đới
Mậu	Đinh	Tân	Tân	DẬU		Canh	Mậu	Nhâm	Đinh	Ất	Đinh
Quan	T.Tài	Kiêu	Kiêu	L.Quan		Án	Quan	Kiếp	Sát	Thực	T.Tài
Mộ	Dưỡng	Q.Đới	L.Quan			L.Quan	Bệnh	T.Sinh	Đới	Dưỡng	Q.Đới

Sát KỶ	1979	1 tuổi	Án CANH	1980	2 tuổi	Kiêu TÂN	1981	3 tuổi	Kiếp NHÂM	1982	4 tuổi
Thương GIÁP	1984	6 tuổi	Thực ÁT	1985	7 tuổi	Tài BÍNH	1986	8 tuổi	T.Tài ĐỊNH	1987	9 tuổi
Sát KỶ	1989	11 tuổi	Án CANH	1990	12 tuổi	Kiêu TÂN	1991	13 tuổi	Kiếp NHÂM	1992	14 tuổi
Thương GIÁP	1994	16 tuổi	Thực ÁT	1995	17 tuổi	Tài BÍNH	1996	18 tuổi	T.Tài ĐỊNH	1997	19 tuổi
Sát KỶ	1999	21 tuổi	Án CANH	2000	22 tuổi	Kiêu TÂN	2001	23 tuổi	Kiếp NHÂM	2002	24 tuổi
Thương GIÁP	2004	26 tuổi	Thực ÁT	2005	27 tuổi	Tài BÍNH	2006	28 tuổi	T.Tài ĐỊNH	2007	29 tuổi
Sát KỶ	2009	31 tuổi	Án CANH	2010	32 tuổi	Kiêu TÂN	2011	33 tuổi	Kiếp NHÂM	2012	34 tuổi
Thương GIÁP	2014	36 tuổi	Thực ÁT	2015	37 tuổi	Tài BÍNH	2016	38 tuổi	T.Tài ĐỊNH	2017	39 tuổi
Sát KỶ	2019	41 tuổi	Án CANH	2020	42 tuổi	Kiêu TÂN	2021	43 tuổi	Kiếp NHÂM	2022	44 tuổi
Thương GIÁP	2024	46 tuổi	Thực ÁT	2025	47 tuổi	Tài BÍNH	2026	48 tuổi	T.Tài ĐỊNH	2027	49 tuổi
Sát KỶ	2029	51 tuổi	Án CANH	2030	52 tuổi	Kiêu TÂN	2031	53 tuổi	Kiếp NHÂM	2032	54 tuổi

Thương GIÁP	2034	56 tuổi	Thực ẤT	2035	57 tuổi	Tài BÌNH	2036	58 tuổi	T.Tài ĐỊNH	2037	59 tuổi	Quan MẬU	2038	60 tuổi
DÂN	L.Quan		MÃO	L.Quan		THÌN		Q.Đới	TY	Đ.Vượng	NGỌ	Đ.Vượng		

Kim Hỏa Thủy Thổ Mộc Thiên khắc địa xung

# Giới Thiệu

Thân chào Quý Anh Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Anh Xemtuong lá số tử trụ này và luận giải cùng Quý Anh những vấn đề mà Quý Anh đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Anh hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Anh không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tử trụ, bát tự hay tử trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bù khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Anh dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tử trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ "hành" nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, di vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Anh nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tử trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Anh cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tử trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Anh đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tử trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tử trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Anh mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemtuong.net

## Phân Tích Lá Số Tử Trụ

### Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là [Quý Thủy](#) gặp địa chi trụ năm [Mùi Thổ](#) không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là [Quý Thủy](#) gặp địa chi trụ tháng [Ngọ Hỏa](#) không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là [Quý Thủy](#) gặp địa chi trụ ngày Dậu Kim được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận \*\*.

Nhật nguyên là [Quý Thủy](#) gặp địa chi trụ giờ [Ty Hỏa](#) không thông, là vô căn.

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can

càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 2.5/10

### Lệnh Tháng với tú trụ

Can Năm **Kỷ** sinh tháng **Ngọ** tọa ở **Lâm Quan** nên được Lệnh tháng.

Can Tháng **Canh** sinh tháng **Ngọ** tọa ở **Mộc Dục** nên được Lệnh tháng.

Can Ngày **Quý** sinh tháng **Ngọ** tọa ở **Tuyệt** nên không được Lệnh tháng.

Can Giờ **Đinh** sinh tháng **Ngọ** tọa ở **Lâm Quan** nên được Lệnh tháng.

**Thai nguyên:** Tân Dậu (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

**Thai Tức:** Mậu Thìn (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai 2 địa chi Dậu Thìn này là lục hợp Kim cục, hơi tốt.

### Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tú Trụ

Thai nguyên Tân Dậu nạp âm là **Mộc**, gặp cung mệnh Canh **Ngọ** nạp âm là **Thổ** là tương khắc, theo lý là cuộc đời Quý Anh ít được phúc lộc.

Thai nguyên Tân Dậu nạp âm là **Mộc**, gặp trụ năm **Kỷ Mùi** nạp âm là **Hỏa** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên Tân Dậu nạp âm là **Mộc**, gặp trụ tháng Canh **Ngọ** nạp âm là **Thổ** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên Tân Dậu nạp âm là **Mộc**, gặp trụ ngày **Quý** Dậu nạp âm là **Kim** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên Tân Dậu nạp âm là **Mộc**, gặp trụ giờ **Đinh Ty** nạp âm là **Thổ** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi già có biến động nhẹ.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thợ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tú trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bồ túc cho tú trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

### Xét Ngũ Hành Can Chi Tú Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm **Kỷ Mùi** là **Thổ** **Thổ** bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Canh Ngọ** là **Hỏa** khắc **Kim**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Quý** Dậu là **Kim** sinh **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Đinh Ty** là **Hỏa** **Hỏa** bình hòa.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tú trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chỉ ở mức trung bình, không có gì gọi là sáng sủa, tuy nhiên biết kết hợp thời cơ dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ có thể được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 4/8

### Tú Trụ Tam Hội

Các địa chi Ty Ngọ Mùi trong tú trụ của Quý Anh thuộc tam hội Hỏa.

### Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai cặp can chi Quý Dậu và Kỷ Mùi này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai cặp can chi Quý Dậu và Canh Ngọ này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai 2 địa chi Dậu Ty này thuộc nhóm Ty Dậu Sửu tam hợp Kim, tốt.

### Thân Vượng: **Thủy 29/50**

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tú trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Anh có Thân **Thủy** Vượng, với số điểm phân tích của chúng tôi là **29/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán

khác về thân vượng nhược mà ở đây **18/36** điểm cũng là thân Vượng do đó rất chắc chắn Quý Anh là **Thân Vượng Thủy**. Để Quý Anh rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, dó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Vượng **Thủy** thì dụng thần nên là **Thổ** để khắc bớt **Thủy**, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

## Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Anh là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đổ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Anh là một người có bối cảnh bát tự là cây cổ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Anh là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Anh khỏi chêt rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Anh không chêt úng.

**Dụng Thần: Kim Thủy** (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

Dụng Thần là Kim (dụng thần 1)

Hành Kim đại diện cho màu trắng, bạc, màu ánh kim, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Tây, hướng Tây Bắc. Kim đại diện cho các sự vật như kim cương, vàng bạc, trang sức, tài chính, kinh tế, ngân hàng, quỹ tín dụng, cơ khí kim loại, máy móc, xe cộ, công cụ kim loại, đồ gia dụng bằng thép, nhôm, đồ dùng nhà bếp bằng thép, sắt, đồng hồ, gương soi. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành Kim đều tốt cho Quý Anh vì Kim là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bắn tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành Kim.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Dụng Thần là Thủy (dụng thần 2)

Hành Thủy đại diện cho xanh biển, màu đen, màu của nước, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Bắc. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh liên quan đến các phương diện như: Hàng hải, các loại dụng dịch lạnh khó cháy, băng tuyết, các loại cá, thủy sản, thủy lợi, đông lạnh, đóng băng, đánh bắt, dọn rác, nước chảy, cảng khâu, bể bơi, ao hồ, phòng tắm, buôn bán thực phẩm nguội, phiêu du, lướt sóng: các tính chất thuộc Thủy: lưu động, tính liên tục, dễ thay đổi, tính chất mang tính âm, sạch sẽ, làm việc trên biển, du lịch, biểu diễn, vận động, hướng dẫn viên, dụng cụ đồ chơi, ảo thuật, phóng viên, trình thám, công ty du lịch, dụng cụ cứu hỏa, dụng cụ câu cá, ngành y học, kinh doanh dược phẩm, bác sĩ, y tá, bói toán... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Thủy** đều tốt cho Quý Anh vì **Thủy** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bắn tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Thủy**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

**Gợi ý chọn dụng thần**

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sê tốt cho thân vượng và có cái sê tốt cho thân nhược và Quý Anh nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Anh là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Anh là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hâm bớt thân vượng. Quý Anh hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Anh có thể dùng mèo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Anh, ví dụ chữ dụng thần Quý Anh có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Anh hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi(con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Anh, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Anh mưu sự làm ăn.

### Thiên khắc địa xung

Trụ Năm Kỷ Mùi bị Ất Sửu thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Ất Sửu.

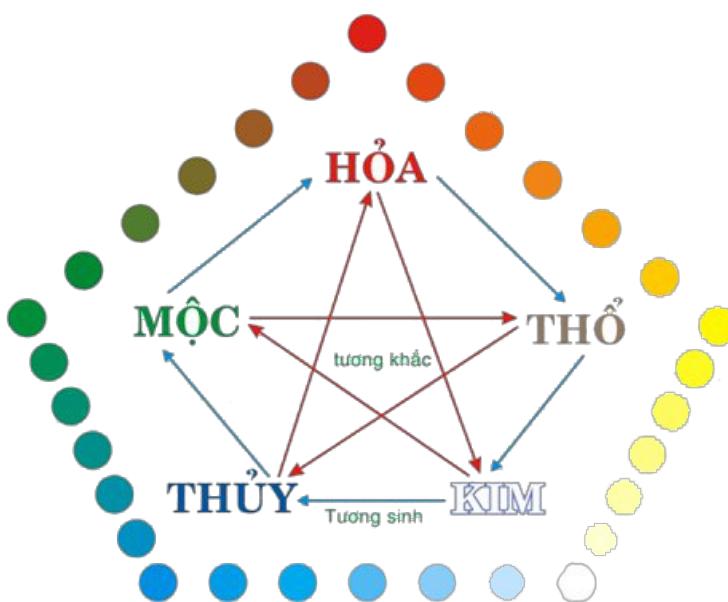
Trụ Tháng Canh Ngọ bị Bính Tý thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Bính Tý.

Trụ Ngày Quý Dậu bị Kỷ Mão thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Kỷ Mão.

Trụ Giờ Đinh Tỵ bị Quý Hợi thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện Quý Hợi.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Anh nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với túc trụ, những năm đó rất xấu với Quý Anh, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Anh hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm

Nghĩa danh	Mộc Dương cực	HỎA chinh Dương cực	ÂM HỎA Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Thủy chinh Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (âm)	Nóng	Âm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thê đất	Dài	Nhỏ	Vuông	Tròn	Ngoắn ngèo
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Thận
Lục phủ	Đồm (mật)	Tiểu trướng (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trướng (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hé, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tỵ, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đại	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không ngừng

## Bình Giải Chung

### Tổng Quan Người Thuộc Thủy

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Thủy có nước da ngăm ngăm đen, hơi béo, thịt nhiều; bụng tròn, chân mày rậm; miệng rộng, ngón tay mập tròn; thần mắt lộ; bàn tay bàn chân lớn nhưng trông không thô kệch; đi đứng chậm chạp và ăn uống cũng chậm chạp; tính ý giản dị và tiếng nói hơi khàn. Nhìn chung người thuộc Thủy mà hợp tướng như vậy là rất tốt, trước khổ sau sướng, con cái an hòa, gia đình hưng vượng.

Nhìn chung, người thuộc Thủy hợp với phuơng Bắc. Và có thể thích hợp với khá nhiều nghề, đặc biệt là những ngành nghề liên quan tới chất lỏng, như: dầu khí, rượu, nước...

### Quý Anh Người Thuộc Thủy Vượng

Người mà Thủy vượng có sắc mặt hơi đen, nói năng nhỏ nhẹ, rành mạch, túc trí đa mưu, giàu lòng bác ái và trí tuệ thông minh, học nhanh hơn người. Người mà Thủy quá vượng là người tính hay cáu gắt, hay cãi cọ, tính tình thay đổi thất thường. Những người mà Thủy quá vượng thường dễ mắc các bệnh về thận, bàng quang, bắp đùi, chân, đầu, gan, tiết niệu, thắt lưng, tử cung, âm hộ...

### Cung Mệnh ở Ngọ sao Thiên phúc

Quý Anh mệnh tốt, vinh hoa phú quý.

### Trụ năm của Quý Anh có Thiên Quan

Trụ năm có thiên quan (sát) là con thứ, trên có anh chị. Nếu là kỵ thần thì sinh ở gia đình nghèo khó.

### Trụ tháng của Quý Anh có Chánh Ân

Trụ tháng có chính ân (ân): Thông minh nhân từ, một đời bình an ít bệnh tật. Nếu bốn can không có thiên tài (Tài) thì múa bút thành danh. Trường hợp gặp tháng chi cũng có chính ân và ngày chi xung thì nhà mẹ trước kia lưu lạc.

### Trụ ngày của Quý Anh có Thiên Ân

Trụ ngày gặp thiên ân (kiêu) thì nam không lấy được vợ tốt, nữ thì không lấy được chồng cao sang. Người bạn đời tuy rõ ràng minh bạch nhưng thích sống cô độc. Trường hợp tú trụ lại gặp thực thần thì tuổi nhỏ mẹ ít sửa nuôi. Khi vận gặp thực thần (thực) thì bệnh hoặc nghèo lại gặp hình xung thì dễ gặp khó khăn trắc trở.

### Trụ giờ của Quý Anh có Thiên Tài

Trụ giờ có thiên tài (tài) thì con cái khẳng khái, trọng nghĩa khinh tài, thích biện bác, thích đầu cơ. Nếu năm và tháng không có thiên tài mà ngày giờ có thiên tài lại không gặp hình xung, tì, kiếp thì về già phát đạt. Nếu giờ can thiên tài mà giờ chi có tì, kiếp thì thương vợ cả tốn vợ bé.

### Trong tú trụ Quý Anh có Phi Nhận

Phi Nhận cho biết Quý Anh hay đầu cơ tích trữ, kiêu ngạo, dễ bị sa sút phá sản.

### Tú Trụ của Quý Anh có Phúc tinh quý nhân

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

### Tú Trụ của Quý Anh có Thái cực quý nhân

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỵ không vong hình xung khắc phá.

### Tú Trụ của Quý Anh có Thiên ất quý nhân

Thiên ất quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cát nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

### Trụ tháng có Chính ân và Dương nhẫn cùng trụ

Chính ân và Dương nhẫn cùng trụ: tuy có công danh nhưng bị hâm vào bệnh tật.

### Tú Trụ có Hoa Cái

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá.

### Tú Trụ của Quý Anh có Dịch Mã

Dịch mã / Trạch mã sao chủ về di chuyển điều động. Gặp xung: như ngựa hoang chạy nhảy. gặp hợp như ngựa đã buộc dây đeo yên khó lòng bay nhảy. Năm vận gặp dịch mã thì di cư thay đổi nghề nghiệp hoặc ra nước ngoài.

### Trụ giờ có Dịch mã và Ngày chủ mạnh

Ngày chủ mạnh: Tú trụ gặp dịch mã làm về nghành giao thông.

### Tú quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có tú quý nhân là hòa hợp với tú khí ngũ hành trong trời đất biến hóa mà thành. Tú quý nhân là khí thanh tú của trời đất, là thần vượng bốn mùa; Người trong mệnh có tú quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại tú quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

### Trạch mã (trích sách Nhập Môn Dự Đoán theo tú trụ của Trần Viên trang 230)

Trạch mã là hổ, nhiều nhất là có tin mừng thăng quan tiến chức, ít nhất cũng là thu được lợi trong sự vận đồ.ng. Mã là kị, nhiều nhất là bôn ba lao khổ, ít nhất là vất vả bận rộn. Mã gặp xung như tuấn mã được thúc thêm; mã bị hợp hoặc bị hóa thì như mã bị trói. Mã tinh là thực thương nếu gặp tài vận là hổ, phát tài rất

nhanh. Nhâm thân, quý dậu là kiém phong mǎ, trụ ngày người như thế là gặp mǎ tinh. Người xưa nói: "Đầu ngựa treo kiém là uy trấn biên cương". Mǎ tinh ở trụ giờ thì thường được điều động di xa, ra nước ngoài, v.v..

### **Kim thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 137)**

Căn cứ thực tiễn, trụ ngày gặp kim thần, thường hợp trong tứ trụ thiếu hỏa khi vận nhập vào hỏa thì lập tức giàu sang. Kim không có hỏa không thể thành vũ khí, nên kim cần phải có hỏa để luyện, do đó kim gặp hành hỏa thì phát. Trong tứ trụ có hỏa, nhưng không hành hỏa thì hỏa cục ban đầu không có lực, phải gặp hỏa vận mới phát, cho nên có câu: "kim thần gặp hỏa, uy trấn biên cương" hoặc "kim thần nhập hỏa, phú quý vang xa". Kim thấy thuỷ thì trầm cho nên kim thần gặp thuỷ là gặp tai vạ. Vận đến kim thuỷ thì tai họa đến ngay, đi lên phương bắc là xấu, có thể tai nạn rất nặng. Kim thần gặp tài là tốt, gặp tài vận là phát. Gặp tài vận đã tốt, gặp cả hỏa nữa càng tốt hơn. Kim thần là quý cách, gặp nó người đó không giàu thì sang, thông minh hiếu học có tài, nhưng tính gấp, mạnh mẽ, khăng khăng làm một mình. Trong tứ trụ kim nhiều (hoặc nạp âm kim nhiều) thuỷ vượng là phá cách, chủ về họa nhiều mà thành công ít, không có tình nghĩa với lục thân, anh em chia lìa, người vất vả khổ sở.

### **Tai sát / Bạch Hổ (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 143)**

Tai sát còn có tên Bạch Hổ, tính dũng mạnh, thường ở trước kiếp sát, xung phá tướng tinh nên gọi là tai sát. Tai sát sợ khắc, nếu gặp sinh lại tốt. Trong tứ trụ nếu gặp tai sát thì phúc ít họa nhiều. Sát chủ về máu me, chết chóc. Sát đi với thuỷ, hỏa phải đề phòng bỗng, cháy; đi với kim, mộc đề phòng bị đánh; đi với thổ phải đề phòng đỗ sập, ôn dịch. Sát khắc thân là rất xấu, nếu có thần phúc cứu trợ, phần nhiều có quyền lực, cũng như kiếp sát, gặp quan tinh ẩn thụ là tốt.

### **Hàm trì / Đào hoa**

Người mà tứ trụ gặp đào hoa, không những bản thân đẹp, mà cha mẹ, anh em, vợ (chồng) con cũng đẹp. Những người đẹp, thông minh, nghệ nhân phần nhiều đều có. Vì đào hoa có cát, có hung nên khi gặp tổ hợp không tốt là chủ về sự phong lưu trăng gió, quan hệ mờ ám giữa nam nữ. Nữ, Nếu tháng sinh gặp hàm trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

### **Tướng tinh (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 136)**

Người có tướng tinh giống như đại tướng giữ kiêm trong quân, nên lấy ngôi tam hợp làm tướng tinh.

Tướng tinh mừng có cát thần phù trợ là tốt, nếu gặp vong thần thì chỉ là quan rường cột của quốc gia.

Cho nên nói có cát tinh trợ giúp là sang, có thêm mộ kho, thuần tuý không tạp là cách xuất tướng nhập tướng.

Lời cổ nói: "Tướng tinh văn võ đều thích hợp, đều là lộc trọng quyền cao".

Mệnh có tướng tinh, nếu không bị phá hại thì chỉ về đường quan lộ hiển đạt; tứ trụ phối hợp được tốt thì là người nắm quyền bính.

Tướng tinh đóng ở chính quan là tốt, nếu đóng ở thất sát, sống dê thì chủ về quyền sinh sát; nếu đóng ở chính tài thì chủ về nắm quyền tài chính.

Nếu làm những nghề khác thì nói chung đều thành công.

Tướng tinh là ngôi sao quyền lực, có tài tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, có uy trong quần chúng.

Nhưng nếu bị tử tuyệt xung phá thì bất lợi, nếu hợp với hung tinh thì tăng thêm khí thế cho hung tinh.

Nếu mệnh kị kiếp tài gặp phải tướng tinh thì điều hại càng tăng gấp bội.

### **Văn xương (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 128)**

Văn xương nhập mệnh chủ về thông minh hơn người, gặp hung hóa cát. Tác dụng của nó tương tự như Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên át quý nhân.

Xem kỹ văn xương quý nhân ta thấy, cú "thực thần" lâm quan là có văn xương quý nhân. Do đó mà gọi là văn xương tức thực thần kiến lộc.

Người văn xương nhập mệnh thì khí chất thanh tao, văn chương cử thế. Nam gặp được nội tâm phong phú, nữ gặp được thi đoan trang, ham học ham hiểu biết, muốn vương lện, cuộc đời lợi đường tiến chức, không giao thiệp với kẻ tầm thường.

Trong thực tiễn, người có văn xương quý nhân sinh vượng, thường dễ đạt các trường chuyên khoa, đại học, lợi về đường học hành thi cử.

# Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không ghen rố trong tập thể.

## Trụ năm gặp đắt trường sinh đế vượng

Trụ năm gặp đắt trường sinh đế vượng, không bị xung khắc, lại được lệnh tháng sinh là chủ về cha mẹ tinh nhanh, tháo vát, dung nhan đẹp, người khoẻ trường thọ.

Can năm Quý Anh được lệnh tháng sinh là cha trường thọ

Chi năm Quý Anh được lệnh tháng sinh là mẹ trường thọ

Can chi năm ngang hòa nhau là cha mẹ yêu nhau nhưng cũng không tránh đôi lúc cãi vã

Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Anh gặp 2 quý nhân trở lên

Trụ năm hoặc trụ tháng gặp quý nhân là cha mẹ đẹp và nho nhã, thanh lịch.

Trụ năm Quý Anh gặp thực thần mà không có kiêu thần là cha mẹ người béo và khỏe, tính cách thành thực.

Trong Tứ trụ Quý Anh thiên tài gặp vượng địa là cha trường thọ.

Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hổ thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.

Chính ấn gặp trạch mã thì cha mẹ lập nghiệp ở phương xa.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Đề cương lệnh tháng bị xung khắc thì gây tổn thất cho cha mẹ và người thân, hoặc bị lì dì.

Ấn bị xung khắc là mẹ hiền nhưng mất sớm.

Ấn thụ bị khắc là mẹ không chết thì cũng đi xa.

Trong Tứ trụ Quý Anh tài nhiều làm tổn thương ấn

Trong Tứ trụ tài nhiều làm tổn thương ấn thì tuổi trẻ đã khắc mẹ. Ấn bị thương nên mẹ mất sớm. Tuổi nhỏ đã

mất mẹ chỉ vì trong Tứ trụ tài nhiều làm cho ấn bị chết.

Trong Tứ trụ Quý Anh đều có chính ấn và thiên ấn thì nhất định là có mẹ kế.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nỗi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Thân và tài đều là vượng là suốt đời vui thú với ruộng vườn cha ông để lại.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Lệnh tháng bị xung khắc thì bại sản tổ nghiệp.

Ấn tinh bị thương thì làm hỏng tổ nghiệp, lìa bỏ quê hương.

Thiên quan mà có chế ngự thì không phải là hung, có cơm ăn áo mặc đầy đủ.

Tài tinh bị phá cũng là rời bỏ quê hương.

Ấn thụ bị thương tổn thì khó giữ được tài sản của ông chà.

Trụ năm là thất sát, tỉ kiếp, thương quan là ông cha đói rách.

Sát nhiều là tuy đang yên nhưng phải phòng xa sự nguy hại.

Tứ trụ đều có kiêu, ấn là ông cha lệnh đênh phiêu bạt.

Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.

Trụ năm có thất sát, tỉ kiếp là ông cha không có một tấc đất, xa rời quê hương.

## Anh Em Huynh Dệ

Quý Anh Thân vượng và có ấn là anh chị em nhiều.

Tháng và ngày Quý Anh tương sinh cho nhau là anh em hoà thuận.

Lệnh tháng Quý Anh gặp xung là anh em mỗi người một phương.

## Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Anh về hôn nhân như sau.

Quý Anh Nam tuổi **Kỷ Mùi** hợp với Nữ tuổi **Canh Thân - Tân Dậu - Canh Ngọ** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phòi hôn nam nữ là chọn những năm sinh phòi hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phòi hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phòi hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Anh có thể tùy ý chọn.

Trụ ngày Quý Anh tương sinh cho nhau là vợ chồng đầm thắm, can sinh chi là chồng yêu vợ, chi sinh can là vợ yêu chồng.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày Quý Dậu là Kim sinh **Thủy**.

Vợ chồng Quý Anh có trụ năm tương sinh hoặc thiên hợp địa hợp thì bách niên giai lão.

Quý Anh tháng sinh gặp hàm trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phổi hôn.

Chi ngày Quý Anh là tí ngọ mão dậu thì vợ đẹp

Mệnh nam Quý Anh lấy vượng làm phúc.

Quý Anh Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Quý Anh có Tài tinh được ngôi là nhờ vợ mà giàu.

Trong Tứ trụ Quý Anh có thiên tài là yêu vợ lẽ hơn vợ cả.

Quý Anh có Tài rõ thân vượng là vợ đẹp.

Quý Anh Người trong Tứ trụ không có kình dương, hành vận đến lúc gặp kình dương thì hao tài và khắc vợ con

Quý Anh có Tru ngày không có tài là xa lìa vợ.

## Công Danh Sự Nghiệp

Tài vận với tứ trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tốn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nên nỗi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có cửa không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ của lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế, đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Tài nên tàng ẩn, tàng thì phong phú hùng hậu, Quý Anh có tài tàng ẩn

Quý Anh có Tài, Tài là thê tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Anh có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có cửa thì khó mà quyền quý.

Quý Anh có Cung tị đóng ở ngày quý là tài quan trọng vẹn.

Trong trụ Quý Anh có thiên tài nhập tạp khí là người phát tài rất lớn.

Quý Anh Có tài gặp sát, người tuổi dần, ngọ, tuất gặp tân sửu, người tị, dậu, sửu gặp ất mùi, người thân, tý, thìn gặp bính tuất ; người hợi, mão, mùi gặp mậu thìn, như thế gọi là thê tài tụ hội. Người gặp như thế sẽ giàu, nhưng phải đề phòng vợ làm hại.

Quý Anh Thân vượng có thể thành gia lập nghiệp

Quý Anh có Thiên tài gặp quan kiêm thực thần thì chắc chắn vinh hoa.

Quý Anh có Tài gặp đất phùng sinh tiền của vạn kho.

Quý Anh có Mã chạy vào đất tài là phát tài nhanh như mảnh hổ.

Quý Anh Thân mạnh, tài vượng thì có lợi cho thanh danh.

Quý Anh có Thực thần gặp ấn là tiền của ngày một nhiều.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Trụ tháng Quý Anh gặp ấn thụ là người giàu sang, vinh hiển.

Tài của địa chi phục ám sinh thì nhờ đó dần dần giàu có.

Quan tinh Quý Anh là lộc, tài tinh là mã, hành đến tài vận thì sẽ giàu.

Quý Anh có Ân nhiều hành đến tài vận sẽ phát phúc.

Trên trụ giờ Quý Anh có thiên tài thì sợ anh em, đến đại vận và lưu niên có Kiếp Tài thì sẽ bị phá tài và tranh tài.

Thiên tài sợ hành vận có tỷ kiếp, vì gặp vận đó sẽ phá tài, bại tài.

Tài nên tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.

Quý Anh có 1 Tài ẩn

Kiêu thần mừng nhất gặp những năm vận có Tài tinh, Quý Anh thân vượng gặp được là phúc.

Quý Anh Thân vượng đến đại vận lưu niên nếu gặp tỷ kiếp thì năm đó phá tài bại nghiệp.

Ví dụ đến đại vận(10 năm) và lưu niên(1 năm) có cả tỷ và kiếp.

Tứ trụ Quý Anh không có tài để giữ cho mình khi ra ngoài cầu tài cần phải cẩn thận.

## Quan Vận

Quý Anh có Quan ở vượng địa, rạng rõ tỏ tông.

Thiên Quan Quý Anh có chế phục lại được sinh, uy trấn biên cương (Có Thực chế, có Tài sinh).

Kim Thần đón Ân, tham mưu trong nội các.

Tứ trụ Quý Anh Sát vượng, thân vượng là quan thanh liêm (Trong trụ không có chút Quan tinh nào).

Quý Anh Ân lâm Thiên Ất, mấy đời làm quan.

Quý Anh có Quan ở cung giờ, mạng cường, tuổi về già được phong quan.

Quý Anh có Mã ở trụ giờ, tuổi già được tấn phong chức tước (Nguyệt lệnh Chính Tài cách, không xung khắc, mạng vượng)

Thất Sát Quý Anh có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Anh có Sát Ân đồng vị, ăn to nói lớn, gặp vận tốt sẽ có chức vị cao trong quân đội.

Quý Anh có Kim thần đón Sát, nhất định là quan quý.

Quan tinh sợ hình xung hại, không lợi làm quan.

Quý Anh có Quan Sát hỗn tạp, không quí hiển được.

Quý Anh có Tài vượng sinh Quan, khởi nghiệp từ thuở thiếu niên (Tiền đề là thân phải vượng).

Quý Anh có Tài Quan Ân đều toàn, thi đậu cao, dễ nổi danh.

Quý Anh có Tài Quan Thực, thông minh tú khí, văn tài xuất chúng.

Ân Quý Anh bị phá Tài bị thương, đừng ham tìm kiếm công danh.

Quý Anh có Thực đàng trước Sát đàng sau, người công danh hiển đạt (Thực tại năm tháng, Sát tại ngày giờ).

Thời tọa Chính Quan, có tuổi mới thành danh.

# Nghề Nghiệp

Quý Anh có Sát Ân tương sinh, hợp theo nghề quân sự hoặc bác sĩ ngoại khoa, hoặc nhân viên cao cấp của xí nghiệp.

Quý Anh có Tài Quan phù trợ lẫn nhau, nên học chính trị, pháp luật hoặc tài chính.

Quý Anh có Sát Ân tương sinh, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Nhật chủ quá yếu, hợp mày nghề kỹ xảo, nhất nghệ tinh nhất thân vinh.

Trụ Quý Anh có Thiên Ân (Kiêu), rất nhạy cảm với sự việc, cho nên hợp mày nghề điều tra, trinh sát, tình báo, và cũng hợp những nghề không chính thống như nghệ nhân, mở quán, minh tinh, hoặc những nghề làm ăn dựa vào nhân duyên.

Quý Anh có Tài chế Thiên Ân, sẽ thành công trong ngành nghề thực nghiệp (sản xuất).

Quý Anh có Chính Quan Thiên Ân tương sinh, nghề gì có làm công ăn lương là hợp.

Thực Thần cách có cả Chính Quan và Thất Sát, hợp theo nghề không sản xuất, như y bốc tinh tướng, tam giáo cửu lưu...

Quý Anh có Thực Thần sinh Tài, lợi kinh doanh dược phẩm, ăn uống, bánh trái, thức ăn gia súc, chăn nuôi gia cầm...

Quý Anh Có Tài tinh và Dịch Mã, hợp giao thông vận tải, buôn bán, thông tin, truyền thông...

Quý Anh có Thiên Tài gấp Chính Quan, nên theo nghề công vụ viên, thư ký, hành chính...

## Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Kim

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Kim, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới kim, như kinh doanh dụng cụ kim loại, máy móc của nhà máy, xe hơi, giao thông, tiền tệ, electronics, công trình, khai khoáng. Sự nghiệp phát triển lợi hướng Trung Tây, không lợi Đông Nam.

## Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Thủy

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là [Thủy](#), nên theo nghề nghiệp có liên quan tới thủy, như chạy việc bên ngoài, có tính lưu động, làm đá, trữ lạnh, hàng hải, du lịch, nhà thể thao, ký giả, hotel...Lợi hướng Tây Bắc, bất lợi Trung Nam.

# Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tú trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lύ át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đinh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tý là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đứa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Trụ nhật Quý Anh làm dụng thần là con nhà hiền mà tháo vát.

Trên trụ giờ Quý Anh gặp quý nhân trạch mã là sinh con hiếu đế.

Ngôi con ở đất vượng tướng là con thông minh, hiền hiếu, làm rạng rõ tổ tiên.

Can Quý Anh giờ vượng là sinh con trai.

Người sinh vào ngày giờ bính, đinh thì mắt to, râu dài, trán hẹp, tuổi trẻ nhiều bệnh hoạn.

Sinh vào giờ nhâm, quý là người mắt to, ham rượu, tính liều.

Người sinh vào các giờ dần, thân, tị, hợi thì sinh ra nầm nghiêng.

Cha có thát sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thát sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Anh có Can ngày can giờ khắc nhau nên lần sinh đầu là con trai.

Quý Anh có Ân thụ, kiêu thần là khó có con.

Trong Tứ trụ Quý Anh có thiên tài, thiên quan, thiên ân thì là con nuôi, nếu không thì cũng là con thứ 3, thứ tư về cuối.

Quý Anh Tuy thân mạnh nhưng bị sát xì hơi là con cái ít và không phát đạt.

Trụ năm Quý Anh làm thương tổn can ngày là cha và con không thân nhau.

Quý Anh có Thiên ân đóng ở trụ ngày là vợ nhiều mà đẻ ít.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

## Sức Khéo & Bệnh Tật

Quý Anh Kiêu đoạt Thực nên thường có bệnh.

Quý Anh có Nhật tọa Kiêu, hoặc Kiêu nhiều, bệnh do ăn uống mà gây ra.

Kim thủy tương sinh mà quá vượng nên chú ý khí trệ, hen, ho, nghẹt mũi, hơi cảm thấy bồn chồn lo lắng, cảm thấy hiện tượng ngực dưới như bị thương, thở gấp, miệng khô khát.

Thủy mộc tương sinh mà quá vượng, nên chú ý tỳ vị hư, buồn nôn, hôi miệng, ợ hơi, kém ăn, thân thể suy nhược, mạch trầm yếu, phần bụng mềm yếu vô lực, mặt thiếu huyết sắc.

Kim chủ về phổi, bị hỏa xung khắc, tửu sắc thành bệnh.

Bính Đinh hỏa khắc hại Canh kim, bệnh đại tràng.

Án là hỏa thổ, nhiệt làm sinh đờm, tháo làm mìn mẩy bị ngứa.

Kim gặp vượng thủy, bệnh về gân cốt.

## Hướng Dẫn Xem

### Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tứ trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh..., chi là túy sửu dần mão...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ân, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Anh hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Dới	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

### Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiến Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Án**(Chánh Án), **Kiêu**(Phiến Án, Thiên Án), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Anh hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của tú trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Anh có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Anh chưa biết gì về tú trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980			Trụ Tháng 04			Trụ Ngày 16			Trụ Giờ 17:17		
Thương Dưỡng			Thương Dưỡng			Thần Tỷ Suy			T.Tài Dưỡng		
CANH	THÂN	L.Quan	CANH	THİN	Dưỡng	KÝ	MÙI	Suy	QUÝ	DẬU	Bệnh
Canh Thương Dưỡng	Mậu Kiếp Q.Đới	Nhâm Tài Mộ	Mâu Kiếp Q.Đới	Át Sát Q.Đới	Quý T.Tài Dưỡng	Ký Tỷ Suy	Át Sát Q.Đới	Đinh Kiêu Suy	Tân Thực Mộ		

### Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tương trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Anh
- Trụ tháng tương trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Anh
- Trụ ngày tương trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Anh
- Trụ giờ tương trưng cho con cái và tuổi già của Quý Anh

### Ý Nghĩa của 10 thần:

**1. Quan** (Chính quan) là cái khắc tội, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ẩn nhược thì chính quan sẽ sinh ẩn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

**2. Sát** (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tội, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyền”

bính"). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ấn, công phá Thân, khắc chế tỳ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

**3. Ân** (Chánh ấn) là cái sinh ra tôi, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, ấn có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính ấn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ấn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ấn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

**4. Kiêu** (Thiên ấn) là cái sinh phù tôi, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghẻ.

Công năng của thiên ấn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên ấn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ấn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà túc trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ấn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí ) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lầm. Nói chung khi Thân vượng thiên ấn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ấn, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

**5. Tỷ** (Kiên, Ngang vai) là ngang tôi (là can có cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha ,... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại diện cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn cô. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

**6. Kiếp tài** cũng là ngang tôi (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phần đầu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

**7. Thực** (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không

thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chỉ có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chỉ là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ân đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì diêm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc họ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yểu (?).

**8. Thương** (Thương quan) cũng là cái nhặt can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuẫn, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Sợ nhất là “thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến”. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bè trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tú trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

**9. Tài** (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính ân. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cẩn cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cùi tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu ất là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tú trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

**10 T.Tài** (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho của riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính ân. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bè ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tỷ và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộc dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộ địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phân luận luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Anh đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý

Anh. Quý Anh có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Anh.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Anh Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net